|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  *(Đề thi có 04 trang)*  *(40 câu trắc nghiệm)* | **ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 1**  **NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: HOÁ HỌC**  *Thời gian: 50 phút (không tính thời gian phát đề)* | |
|  | | **Mã đề ….** |

**Cho nguyên tử khối:** H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; Br = 80; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108; I = 127; Ba = 137.

**Câu 41:** Trong các phản ứng hóa học, nguyên tử kim loại thường có xu hướng

**A**.nhường electron. **B**.nhận proton. **C**.nhận electron. **D**.nhường proton.

**Câu 42:** Phân tử tetrapeptit có bao nhiêu liên kết peptit?

**A**.3. **B**.4. **C**.2. **D**.1.

**Câu 43:** Kim loại M có tính dẻo cao nhất, có thể dát thành lá mỏng đến mức ánh sáng có thể xuyên qua. Kim loại M là

**A**.Li. **B**.Au. **C**.W. **D**.Ag.

**Câu 44:** Cho các kim loại sau: K, Ba, Fe, Zn, Ag. Số kim loại khử được H2O ở nhiệt độ thường thành H2 là

**A**.4. **B**.3. **C**.2. **D**.1.

**Câu 45:** Dung dịch chứa chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển sang màu đỏ?

**A**.Etylamin. **B**.Lysin. **C**.Axit glutamic. **D**.Anilin.

**Câu 46:** Trong các kim loại dưới đây, kim loại nào có tính khử mạnh nhất?

**A**.Cu. **B**.Zn. **C**.K. **D**.Mg.

**Câu 47:** Este nào sau đây có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp ở điều kiện thích hợp?

**A**.HCOOC6H5. **B**.HCOOCH3.

**C**.CH3COOCH=CH2. **D**.CH3COOCH2CH3.

**Câu 48:** Đun nóng dung dịch chứa 9,0 gam glucozơ với lượng dư dung dịch AgNO3 trong NH3 đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam Ag. Giá trị của m là

**A**.5,4. **B**.10,8. **C**.21,6. **D**.16,2.

**Câu 49:** Những lương thực như gạo, ngô, khoai, sắn,… có chứa nhiều tinh bột. Tinh bột là nguồn cung cấp năng lượng chính cho cơ thể con người. Công thức phân tử của tinh bột là

**A**.(C6H10O5)n. **B**.C12H22O11. **C**.C6H12O6. **D**.C6H10O5.

**Câu 50:** Thủy phân hoàn toàn chất béo nào sau đây trong dung dịch NaOH thu được sản phẩm chứa natri panmitat và glixerol?

**A**.(C17H35COO)3C3H5. **B**.(C17H31COO)3C3H5.

**C**.(C17H33COO)3C3H5. **D**.(C15H31COO)3C3H5.

**Câu 51:** Este X được tạo nên từ axit cacboxylic và ancol đều no, đơn chức, mạch hở. Công thức phân tử của X có dạng

**A**.CnH2n-4O2 (n ≥ 2). **B**.CnH2nO2 (n ≥ 2).

**C**.CnH2n+2O2 (n ≥ 2). **D**.CnH2n-2O2 (n ≥ 2).

**Câu 52:** Phân tử khối của alanin là

**A**.93 đvC. **B**.117 đvC. **C**.75 đvC. **D**.89 đvC.

**Câu 53:** Có bao nhiêu amin bậc một chứa vòng benzen ứng với công thức phân tử C7H9N?

**A**.1. **B**.3. **C**.2. **D**.4.

**Câu 54:** Chất nào sau đây không bị thủy phân trong môi trường kiềm ở nhiệt độ thích hợp?

**A**.Anbumin. **B**.Etyl axetat. **C**.Nilon-6,6. **D**.Glucozơ.

**Câu 55:** Phát biểu nào sau đây đúng?

**A**.Saccarozơ có nhiều trong mật ong làm cho mật ong có vị ngọt sắc.

**B**.Quần áo làm từ tơ tằm sẽ nhanh hỏng nếu giặt bằng xà phòng có độ kiềm cao.

**C**.Thành phần chính của dầu thực vật là các chất béo no.

**D**.Bột ngọt (hay mì chính) có thành phần chính là axit glutamic.

**Câu 56:** Anilin và phenol đều tạo kết tủa trắng khi phản ứng với dung dịch chất nào sau đây?

**A**.Br2. **B**.NaOH. **C**.HCl. **D**.NaCl.

**Câu 57:** Amino axit thiên nhiên là cơ sở để kiến tạo nên các loại protein của cơ thể sống. Trong đó, glyxin là amino axit đơn giản nhất. Cho 0,2 mol glyxin phản ứng với dung dịch HCl vừa đủ thu được m gam muối. Giá trị của m là

**A**.22,3. **B**.29,2. **C**.32,4. **D**.25,1.

**Câu 58:** Etyl fomat có mùi thơm đặc trưng của đào chín, là thành phần trong hương vị của quả mâm xôi, đôi khi nó còn được tìm thấy trong quả táo. Etyl fomat phản ứng được với cả hai chất nào sau đây?

**A**.Dung dịch NaCl (t°), dung dịch AgNO3/NH3 (t°).

**B**.Dung dịch NaOH (t°), dung dịch AgNO3/NH3 (t°).

**C**.O2 (t°), kim loại Na.

**D**.H2O (H+, t°), kim loại Na.

**Câu 59:** Tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Nhỏ vài giọt dung dịch iot vào ống nghiệm có chứa khoảng 2 - 5 ml dung dịch hồ tinh bột.

Bước 2: Đun nóng từ từ ống nghiệm trên ngọn lửa đèn cồn (tránh để dung dịch sôi).

Bước 3: Ngâm ống nghiệm vừa đun ở bước 2 vào cốc thủy tinh đựng nước ở nhiệt độ thường.

Phát biểu nào sau đây không đúng?

**A**.Việc tránh để dung dịch sôi trong quá trình đun nóng nhằm hạn chế sự thăng hoa của iot.

**B**.Ở bước 3, màu xanh tím của dung dịch trong ống nghiệm sẽ xuất hiện trở lại và đậm dần lên.

**C**.Nếu thay tinh bột trong thí nghiệm bằng xenlulozơ thì hiện tượng xảy ra tương tự.

**D**.Ở bước 2, dung dịch trong ống nghiệm bị nhạt màu hoặc mất màu xanh tím.

**Câu 60:** Chất nào sau đây không có phản ứng màu biure?

**A**.Gly-Ala-Val. **B**.Gly-Ala. **C**.Ala-Val-Gly-Gly. **D**.Ala-Val-Gly.

**Câu 61:** Nhúng một thanh sắt vào dung dịch đồng(II) sunfat. Sau một thời gian, lấy thanh sắt ra khỏi dung dịch và đem phân tích thấy có 6,4 gam kim loại màu đỏ tạo thành. Khối lượng kim loại sắt đã tham gia phản ứng là

**A**.5,6 gam. **B**.1,4 gam. **C**.11,2 gam. **D**.2,8 gam.

**Câu 62:** Cho các polime sau: poli(metyl metacrylat), nilon-6,6, poli(vinyl clorua), xenlulozơ, polietilen, cao su buna-S. Số polime được điều chế bằng phản ứng trùng hợp là

**A**.2. **B**.5. **C**.4. **D**.3.

**Câu 63:** Cho các phát biểu sau:

(a) Tất cả peptit đều có phản ứng thủy phân.

(b) Trong điều kiện thường, các amin là những chất khí, mùi khai khó chịu, tan nhiều trong nước.

(c) Các amino axit đều tác dụng được với dung dịch axit và dung dịch kiềm.

(d) Protein đơn giản là những protein chỉ được tạo thành từ các gốc α-amino axit.

(e) Liên kết -CO-NH- giữa hai đơn vị amino axit là liên kết peptit.

Số phát biểu đúng là

**A**.4. **B**.2. **C**.1. **D**.3.

**Câu 64:** Quá trình kết hợp nhiều phân tử nhỏ (monome) thành phần tử lớn (polime) đồng thời giải phóng những phân tử nhỏ khác (thí dụ H2O) được gọi là phản ứng

**A**.xà phòng hóa. **B**.thủy phân. **C**.trùng hợp. **D**.trùng ngưng.

**Câu 65:** Cacbohiđrat nào sau đây không tan trong nước?

**A**.Glucozơ. **B**.Saccarozơ. **C**.Fructozơ. **D**.Xenlulozơ.

**Câu 66:** Benzyl axetat là este có mùi thơm của hoa nhài. Công thức của benzyl axetat là

**A**.C6H5CH2COOCH3. **B**.CH3COOC6H5.

**C**.C6H5COOCH3. **D**.CH3COOCH2C6H5.

**Câu 67:** Số 6 trên các vật dụng bằng nhựa cho biết các vật dụng đó làm từ nhựa polistiren (PS). Đây là loại nhựa không thể tái chế và thường được sử dụng để sản xuất cốc, chén dùng một lần hoặc hộp đựng thức ăn mang về. Ở nhiệt độ cao, nhựa PS bị phân hủy sinh ra các chất có hại cho sức khỏe. Phát biểu nào sau đây không đúng?

**A**.Polistiren thuộc loại polime bán tổng hợp.

**B**.Polistiren được tạo ra từ phản ứng trùng hợp.

**C**.Không nên dùng nhựa PS để đựng đồ ăn nóng hoặc sử dụng trong lò vi sóng.

**D**.Monome tạo thành nhựa PS có công thức hóa học là CH2=CH-C6H5.

**Câu 68:** Este mạch hở X có công thức phân tử C4H6O2. Thủy phân X trong môi trường axit thu được sản phẩm có chứa ancol. Số công thức cấu tạo phù hợp của X là

**A**.4. **B**.2. **C**.1. **D**.3.

**Câu 69:** Thủy phân hoàn toàn 1 mol peptit mạch hở X thu được 2 mol glyxin (Gly), 1 mol alanin (Ala) và 2 mol valin (Val). Mặt khác, sản phẩm của phản ứng thủy phân không hoàn toàn X có Gly-Ala-Val. Biết amino axit ở đầu C của X là Val. Số công thức cấu tạo của X thỏa mãn dữ kiện trên là

**A**.4. **B**.6. **C**.3. **D**.2.

**Câu 70:** Thủy phân hoàn toàn triglixerit X trong dung dịch NaOH, thu được glixerol, natri stearat, natri oleat. Đốt cháy hoàn toàn m gam X cần vừa đủ 1,61 mol O2 thu được H2O và 1,14 mol CO2. Mặt khác, m gam X tác dụng được với tối đa a mol Br2 trong dung dịch. Giá trị của a là

**A**.0,10. **B**.0,02. **C**.0,04. **D**.0,08.

**Câu 71:** Hòa tan kim loại R trong m gam dung dịch H2SO4 đặc, nóng. Sau khi SO2 (sản phẩm khử duy nhất) bay ra hết thì dung dịch còn lại có khối lượng m gam. Kim loại R là :

**A**.Cu. **B**.Fe. **C**.Ag. **D**.Mg.

**Câu 72:** Cho chất hữu cơ X mạch hở có công thức phân tử C4H6O2 và sơ đồ phản ứng như sau:

X + NaOH → Muối Y + Z

Z + AgNO3 + NH3 + H2O → Muối T + Ag + …

T + NaOH → Y + …

Cho các phát biểu sau:

(a) Có 2 công thức cấu tạo phù hợp với chất X.

(b) Chất Z không tác dụng được với Na.

(c) Không thể điều chế được X từ axit cacboxylic và ancol tương ứng.

(d) Chất Y có số nguyên tử C bằng số nguyên tử O.

Số phát biểu không đúng là :

**A**.1. **B**.3. **C**.2. **D**.4.

**Câu 73:** Hòa tan 23,2 gam hỗn hợp M gồm Fe và Cu trong 175,0 gam HNO3 50,4%, sau khi kim loại tan hết thu được dung dịch X và hỗn hợp khí E. Cho 500 ml dung dịch KOH 2 M vào dung dịch X thu được kết tủa Y và dung dịch Z. Lọc lấy Y rồi nung trong không khí đến khối lượng không đổi thu được 32,0 gam chất rắn G. Cô cạn dung dịch Z được chất rắn T. Nung T đến khối lượng không đổi thu được 82,1 gam chất rắn Q. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Nồng độ phần trăm của chất tan có phân tử khối lớn nhất trong dung dịch X gần nhất với giá trị nào sau đây?

**A**.20,2%. **B**.13,6%. **C**.25,0%. **D**.10,5%.

**Câu 74:** Thủy phân 13,6 gam CH3COOC6H5 trong 250 ml dung dịch NaOH 1M, đun nóng. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là :

**A**.8,2. **B**.21,8. **C**.19,8. **D**.23,6.

**Câu 75:** Tiến hành thí nghiệm với các dung dịch X, Y, Z, T. Kết quả được ghi ở bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mẫu thử | Thuốc thử | Hiện tượng |
| X | Quỳ tím | Chuyển màu xanh |
| Y | AgNO3/NH3 (t°) | Có kết tủa Ag |
| Z | Không hiện tượng |
| Y hoặc Z | Cu(OH)2/OH- | Dung dịch xanh lam |
| T | Có màu tím |

Các chất X, Y, Z, T lần lượt là :

**A**.anilin, fructozơ, saccarozơ, Gly-Ala-Val. **B**.etylamin, saccarozơ, fructozơ, Gly-Ala.

**C**.etylamin, saccarozơ, glucozơ, Gly-Ala-Val. **D**.etylamin, glucozơ, saccarozơ, Gly-Ala-Val.

**Câu 76:** Hỗn hợp X gồm hai amin no, đơn chức, mạch hở. Hỗn hợp Y gồm Gly, Ala, Val. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp Z (gồm a mol X và b mol Y) cần dùng 47,04 lít O2. Sản phẩm cháy gồm CO2, H2O và N2 được dẫn qua bình đựng H2SO4 đặc, dư thấy khối lượng bình tăng 36,0 gam, đồng thời thu được 35,84 lít hỗn hợp khí. Biết thể tích các khí được đo ở điều kiện tiêu chuẩn. Tỉ lệ a: b là :

**A**.3 : 2. **B**.3 : 1. **C**.2 : 1. **D**.1 : 1.

**Câu 77:** Cho 26,70 gam hỗn hợp X gồm hai amin no, đơn chức, mạch hở tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl thu được 44,95 gam muối. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn 26,70 gam hỗn hợp X, thu được tổng khối lượng CO2 và H2O là :

**A**.92,70 gam. **B**.94,10 gam. **C**.76,90 gam. **D**.125,90 gam.

**Câu 78:** Cho 41,7 gam hỗn hợp X gồm glyxin và alanin phản ứng với 200 ml dung dịch NaOH 1M thu được dung dịch Y. Dung dịch Y phản ứng vừa đủ với 350 ml dung dịch HCl 2M. Phần trăm về khối lượng của alanin trong hỗn hợp X gần nhất với giá trị nào sau đây?

**A**.36%. **B**.54%. **C**.46%. **D**.64%.

**Câu 79:** Cho X là axit cacboxylic no, đơn chức, mạch hở; Y là axit cacboxylic không no, đơn chức, mạch hở (MX < MY, X và Y đều có số C không nhỏ hơn 2); T là este hai chức (chỉ chứa chức este) tạo bởi X, Y và một ancol no, mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn 23,4 gam hỗn hợp E gồm X, Y, T cần một lượng vừa đủ 0,97 mol O2. Mặt khác, lượng E trên có thể tác dụng vừa đủ với 320 ml dung dịch NaOH 1M thu được 0,14 mol muối của X. Phần trăm khối lượng của T trong E là :

**A**.20,5%. **B**.35,9%. **C**.43,6%. **D**.45,5%.

**Câu 80:** Hiện nay, xăng sinh học E5 (xăng chứa 5% etanol về thể tích) đang được sử dụng ở nước ta để thay thế một phần xăng truyền thống. Trong một nhà máy, etanol được sản xuất từ xenlulozơ theo sơ đồ sau: (C6H10O5)n → C6H12O6 → C2H5OH. Toàn bộ lượng etanol thu được từ 4,05 tấn mùn cưa (chứa 50% xenlulozơ) dùng để pha chế thành V lit xăng E5. Biết hiệu suất của cả quá trình là 80%, khối lượng riêng của etanol là 0,8 g/ml. Giá trị của V là :

**A**.138000. **B**.12000. **C**.115000. **D**.23000.

**ĐÁP ÁN VÀ GIẢI CHI TIẾT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 41A | 42A | 43B | 44C | 45C | 46C | 47C | 48B | 49A | 50D |
| 51B | **52D** | **53D** | **54D** | **55B** | **56A** | **57A** | **58B** | **59C** | **60B** |
| 61A | **62C** | **63A** | **64D** | **65D** | **66D** | **67A** | **68B** | **69A** | **70C** |
| 71A | **72A** | **73B** | **74B** | **75D** | **76C** | **77B** | **78D** | **79C** | **80D** |

**Câu 48:**

nC6H12O6 = 9,0/180 = 0,05

C6H12O6 **→** 2Ag

0,05……….0,1

**→** mAg = 0,1.108 = 10,8 gam

**Câu 53:**

Có 4 amin bậc một chứa vòng benzen ứng với công thức phân tử C7H9N:

C6H5-CH2-NH2

CH3-C6H4-NH2 (o, m, p)

**Câu 55:**

A. Sai, mật ong có vị ngọt sắc do chứa nhiều đường fructozơ.

B. Đúng, tơ tằm dễ bị thủy phân trong môi trường kiềm.

C. Sai, thành phần chính của dầu thực vật là các chất béo không no.

D. Sai, bột ngọt (hay mì chính) có thành phần chính là muối mononatri của axit glutamic.

**Câu 57:**

nGlyHCl = nGly = 0,2 **→** mGlyHCl = 22,3 gam

**Câu 58:**

Etyl fomat (HCOOC2H5) phản ứng được với cả hai chất: Dung dịch NaOH (t°), dung dịch AgNO3/NH3 (t°)

Etyl fomat (HCOOC2H5) không phản ứng được với dung dịch NaCl, kim loại Na.

**Câu 59:**

A. Đúng, I2 dễ thăng hoa nên cần tránh đun sôi.

B. Đúng, khi đun nóng màu xanh tím nhạt dần, để nguội lại hiện ra.

C. Sai, xenlulozơ không có phản ứng màu với I2.

D. Đúng.

**Câu 61:**

Fe + CuSO4 **→** FeSO4 + Cu

nFe phản ứng = nCu = 0,1 **→** mFe phản ứng = 5,6 gam

**Câu 62:**

Có 4 polime được điều chế bằng phản ứng trùng hợp là: poli(metyl metacrylat), poli(vinyl clorua), polietilen, cao su buna-S.

**Câu 63:**

(a) Đúng

(b) Sai, tùy số lượng cacbon, các amin tồn tại ở cả thể khí, lỏng, rắn trong điều kiện thường.

(c) Đúng, các amino axit đều tác dụng được với dung dịch axit và dung dịch kiềm do phân tử chứa đồng thời nhóm NH2 và COOH.

(d)(e) Đúng

**Câu 67:**

A. Sai, polistiren thuộc loại polime tổng hợp, được điều chế từ phản ứng trùng hợp CH2=CH-C6H5.

B. Đúng.

C. Đúng, vì trong lò vi sóng khi hoạt động có nhiệt độ cao, nhựa PS bị phân hủy sinh ra các chất có hại cho sức khỏe.

D. Đúng.

**Câu 68:**

X có 2 công thức cấu tạo phù hợp:

HCOO-CH2-CH=CH2

CH2=CH-COO-CH3

**Câu 69:**

X dạng (Gly)2(Ala)(Val)2, trong cấu tạo có đoạn Gly-Ala-Val và amino axit ở đầu C của X là Val **→** X có 4 cấu tạo thỏa mãn:

Gly-Val-Gly-Ala-Val

Val-Gly-Gly-Ala-Val

Gly-Ala-Val-Gly-Val

Gly-Gly-Ala-Val-Val

**Câu 70:**

Các muối đều 18C nên X có 57C

**→** nX = nCO2/57 = 0,02

Bảo toàn O: 6nX + 2nO2 = 2nCO2 + nH2O

**→** nH2O = 1,06

nX = [nCO2 – (nH2O + nBr2)]/2 **→** nBr2 = 0,04

**Câu 71:**

Khối lượng dung dịch không thay đổi nên mR = mSO2

Tự chọn nSO2 = 1 **→** mR = mSO2 = 64 gam

Kim loại R hóa trị x, bảo toàn electron:

64x/R = 1.2 **→** R = 32x **→** x = 2, R = 64: R là Cu

**Câu 72:**

X là CH3COOCH=CH2

Y là CH3COONa; Z là CH3CHO; T là CH3COONH4

(a) Sai, X có cấu tạo duy nhất.

(b) Đúng

(c) Đúng, X điều chế từ CH3COOH và CH≡CH.

(d) Đúng, Y có 2C và 2O.

**Câu 73:**

nKOH = 1.

Nếu KOH phản ứng hết thì nKNO2 = 1 **→** mKNO2 = 85 > 82,1: Vô lý, vậy KOH còn dư.

Đặt u, v là số mol Fe, Cu

**→**mM = 56u + 64v = 23,2 và mG = 160u/2 + 80v = 32

**→** u = 0,3; v = 0,1

Đặt a, b là số mol KNO2 và KOH dư

**→** 85a + 56b = 82,1 và a + b = 1

**→** a = 0,9; b = 0,1

nNO3-(X) < 3u + 2v nên X chứa Fe3+ (x), Fe2+ (y), Cu2+ (0,1), NO3- (0,9)

**→** x + y = 0,3 và 3x + 2y + 0,1.2 = 0,9

**→** x = 0,1; y = 0,2

nHNO3 = 175.50,4%/63 = 1,4 **→** nN(khí) = 1,4 – a = 0,5

Bảo toàn electron: 3x + 2y + 0,1.2 + 2nO(khí) = 5nN(khí)

**→** nO(khí) = 0,8

mddX = m kim loại + mddHNO3 – mN(khí) – mO(khí) = 178,4

C%Fe(NO3)3 = 242x/178,4 = 13,57%

**Câu 74:**

CH3COOC6H5 + 2NaOH **→** CH3COONa + C6H5ONa + H2O

nCH3COOC6H5 = 0,1; nNaOH = 0,25 **→** nH2O = 0,1

Bảo toàn khối lượng **→** m rắn = 21,8 gam

**Câu 76:**

X = ?CH2 + NH3

Y = ?CH2 + NH3 + CO2

Quy đổi Z thành CH2 (x), NH3 (y) và CO2 (z)

nO2 = 1,5x + 0,75y = 2,1

nH2O = x + 1,5y = 2

nCO2 + nN2 = x + 0,5y + z = 1,6

**→** x = 1,1; y = 0,6; z = 0,2

**→** b = z = 0,2 và a = y – z = 0,4

**→** a : b = 2 : 1

**Câu 77:**

nX = nHCl = (m muối – mX)/36,5 = 0,5

X dạng CxH2x+3N **→** MX = 14x + 17 = 26,7/0,5

**→** x = 2,6

mCO2 + mH2O = 44.0,5x + 18.0,5(x + 1,5) = 94,1 gam

**Câu 78:**

nGly = a; nAla = b; nNaOH = 0,2

mX = 75a + 89b = 41,7

nHCl = a + b + 0,2 = 0,7

**→** a = 0,2; b = 0,3

**→** %Ala = 64,03%

**Câu 79:**

nNaOH = 0,32 **→** nO(E) = 0,64

Đốt E tạo nCO2 = u, nH2O = v

Bảo toàn khối lượng: 44u + 18v = 23,4 + 0,97.32

Bảo toàn O: 2u + v = 0,64 + 0,97.2

**→** u = 1; v = 0,58

Quy đổi E thành X (0,14), Y (0,32 – 0,14 = 0,18), ancol CnH2n(OH)2 (z mol) và H2O (-2z)

nCO2 = 0,14CX + 0,18CY + nz = 1

CX ≥ 2; CY ≥ 3; MX < MY **→** CX = 2 và CZ = 3 là nghiệm duy nhất.

**→** nz = 0,18; X là CH3COOH; Y là C3HyO2

nH2O = 0,14.2 + 0,18y/2 + z(n + 1) – 2z = 0,58

y = 4 **→** z = 0,24 **→** n = 0,75: Loại (hoặc loại do điều kiện z < 0,14)

y = 2 **→** z = 0,06 **→** n = 3: C3H6(OH)2

T là (CH3COO)(CH≡C-COO)C3H6 (z = 0,06 mol)

**→** %T = 43,59%

**Câu 80:**

C6H10O5 **→** C6H12O6 **→** 2C2H5OH

162…………………………..92

4,05.50%……………………m

**→** mC2H5OH = 4,05.50%.92.80%/162 = 0,92 tấn

**→** VC2H5OH = 0,92/0,8 = 1,15 m³

**→** V xăng = 1,15/5% = 23 m³ = 23000 lít